

CÔNG TY CỔ PHẦN IPP GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 02/2023/QĐ-GĐ-TEMPO

Độc lập – tự do – hạnh phúc

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành và công bố áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN IPP GROUP

- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ban hành ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ban hành ngày 01/08/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.
- Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ban hành ngày 28/09/2007 về việc Hướng dẫn xây dựng và áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở.
- Căn cứ Thông tư số 29/2011/TT-BKHCN ban hành ngày 15/11/2011 Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN.
- Căn cứ vào nhu cầu kinh doanh của công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành Tiêu chuẩn cơ sở sản phẩm Khăn giấy Tempo mang ký hiệu:

TCCS 02:2023/IPPGROUP

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, tức là ngày 28 tháng 07 năm 2023.

Điều 3: Các Ông/bà, Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, Chi nhánh và Trưởng các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Dặng Công Định

CÔNG TY CỔ PHẦN IPP GROUP	KHĂN GIẤY TEMPO	TCCS 02:2023/IPPGROUP
		Có hiệu lực từ: 28/07/2023

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2023/QĐ-GĐ-TEMPO ngày 28 tháng 07 năm 2023)

Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN IPP GROUP

Địa chỉ : 5 đường số 1A, KDC Melosa, Phường Phú Hữu, Tp. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 3606 2797

Fax : 028 3868 7699

Email : hotline@ipp.com.vn

Website : www.ipp.com.vn

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số hiệu Tiêu chuẩn : TCCS 02:2023/IPPGROUP

Tên Tiêu chuẩn : TCCS Khăn giấy Tempo

Áp dụng cho hàng hóa : Tất cả sản phẩm khăn giấy Tempo

Doanh nghiệp cam kết kinh doanh hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố trên.

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



Dương Công Định

Lời nói đầu

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 02:2023/IPPGROUP do Giám đốc Công ty cổ phần IPP Group phê duyệt ban hành theo Quyết định số 02/2023/QĐ-GĐ-TEMPO ngày 28 tháng 07 năm 2023. Trong quá trình áp dụng, Tiêu chuẩn này có thể được sửa đổi, bổ sung, thu hồi, hủy bỏ cho phù hợp với thực tế và qui định của Pháp luật. Việc sửa đổi, bổ sung, thu hồi, hủy bỏ phải tuân thủ qui định về kiểm soát tài liệu của Công ty.

Mục lục

1. Danh mục sản phẩm	Trang 4
2. Tài liệu viện dẫn	Trang 4
3. Yêu cầu kỹ thuật	Trang 4, 5
4. Bao gói, ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản.....	Trang 5, 6

1. DANH MỤC SẢN PHẨM

Các Sản phẩm Khăn giấy Tempo phân phối tại thị trường Việt Nam:

Tên sản phẩm	Mùi hương	Quy cách đóng gói	Định lượng 1 lớp giấy	Kích thước giấy	Số lớp/ tờ
Khăn giấy bỏ túi Tempo Petit	Hương Gỗ Táo	Lốc 6, 18, 36 gói. Gói 7 tờ.	16,0 ± 1,0 g/m ²	(210mm x 210mm) ± 5 mm	4
	Hương Bạc Hà				
	Hương Chanh Sả				
	Hương Hoa Nhài				
	Không mùi				
Khăn giấy bỏ túi Tempo Regular	Hương Bạc Hà	Lốc 10 gói. Gói 8 tờ.	16,0 ± 1,0 g/m ²	(210mm x 210mm) ± 5 mm	
	Không mùi				
Khăn giấy gói rút Tempo	Hương Bạc Hà	Lốc 4 gói. Gói 90 tờ.	14,0 ± 1,0 g/m ²	(160mm x 195mm) ± 5 mm	
	Không mùi				
	Hương Đào				
	Hương Hoa Lê				
	Hương Hoa Chuông Xanh				
Khăn Giấy Hộp Tempo	Hương Gỗ Táo	Hộp 86 tờ. Lốc 4 hộp	15,0 ± 1,0 g/m ²	(210mm x 195mm) ± 5 mm	3
	Hương Bạc Hà				
	Hương Hoa Nhài				
	Không mùi				

2. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- QCVN 09:2015/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 Nghị định về nhãn hàng hóa
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa

3. YÊU CẦU KỸ THUẬT

3.1. Yêu cầu về nguyên vật liệu:

- Bột giấy nguyên thủy, các mùi khác nhau tùy theo nhu cầu của khách hàng.
- Các thành phần tạo hương đảm bảo chất lượng vệ sinh và an toàn da liễu.

3.2. Yêu cầu đối với sản phẩm:

3.2.1. Các chỉ tiêu cơ lý

Sản phẩm Khăn giấy Tempo có các chỉ tiêu cơ lý và mức qui định theo như bảng dưới đây:

TT	Tên chỉ tiêu	Mức quy định		Phương pháp thử
		3 lớp	4 lớp	
1	Độ bền kéo, N/m, không nhỏ hơn:			TCVN 8309-4:2009 (ISO 12625-4: 2005)
	- Chiều dọc	180	200	
	- Chiều ngang	60	80	
2	Tỷ lệ độ bền kéo ướt/độ bền kéo khô, %	5 - 15		TCVN 8309-5:2010 (ISO 12625-5: 2005)
3	Khả năng hấp thụ nước, g/g, không nhỏ hơn	8,0		TCVN 8309-8:2009 (ISO 12625-8: 2005)

3.2.2. Các chỉ tiêu hóa học

Sản phẩm Khăn giấy Tempo có các chỉ tiêu hóa học và mức quy định theo như bảng dưới đây:

TT	Tên chỉ tiêu	Mức quy định	Phương pháp thử
1	Độ ẩm, %, không lớn hơn	8,0	TCVN 1867:2010 (ISO 187:2009)
2	pH nước chiết	6,5-7,5	TCVN 7066-1:2008 (ISO 6588-1:2005)
3	Độ bền màu của giấy (loại được làm trắng bằng chất tẩy trắng huỳnh quang), mức, không nhỏ hơn	4	TCVN 10089:2013 (EN 648:2006)
4	Hàm lượng formaldehyt, mg/dm ² , không lớn hơn	1,0	TCVN 8308:2010 (EN 1541:2001)
5	Hàm lượng chì (Pb), mg/dm ² , không lớn hơn	0,003	TCVN 10093:2013 (EN 12498:)
6	Hàm lượng cadimi (Cd), mg/dm ² , không lớn hơn	0,002	TCVN 10093:2013 (EN 12498:2005)
7	Hàm lượng thủy ngân (Hg), mg/dm ² , không lớn hơn	0,002	TCVN 10092:2013 (EN 12497:2005)

3.2.3. Các chỉ tiêu vi sinh

Sản phẩm Khăn giấy Tempo có các chỉ tiêu vi sinh và mức quy định theo như bảng dưới đây:

TT	Tên chỉ tiêu	Mức quy định	Phương pháp thử
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/g, không lớn hơn	3x10 ²	QCVN 09:2015/BCT
2	Tổng số nấm mốc, CFU/g, không lớn hơn	10 ²	QCVN 09:2015/BCT

4. BAO GÓI, GHI NHÃN, VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN

4.1. Bao gói:

Sản phẩm được gói trong các túi OPP, các gói sản phẩm được đóng vào lốc phủ kín bề mặt. Các lốc được đóng vào thùng carton phù hợp cho việc bảo quản và chuyên chở.

4.2. Ghi nhãn:

Nội dung ghi nhãn theo:

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ ban hành Nghị định về nhãn hàng hóa và các văn bản hiện hành khác của nhà nước.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2017 Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

4.3 Bảo quản:

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát và tránh ánh nắng mặt trời.
- Sản phẩm để trong kho phải được kê cách mặt đất để tránh ẩm mốc, không để vật nặng quá 30 kg đè lên thùng.

4.4 Vận chuyển:

Các phương tiện vận chuyển phải khô ráo, sạch sẽ, có mái che nắng che mưa. Phải tuân thủ các quy phạm an toàn trong quá trình vận chuyển, không vận chuyển chung với các hóa chất gây cháy, gây kích ứng hoặc các chất bốc mùi khác. Khi vận chuyển phải nhẹ nhàng, tránh va đập mạnh.



VIETCERT

CERTIFICATE

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: 3836299430

Chứng nhận sản phẩm:

KHĂN GIẤY & GIẤY VỆ SINH

(Chi tiết sản phẩm xem danh mục đính kèm)

Đơn vị nhập khẩu:

CÔNG TY CỔ PHẦN IPP GROUP

Địa chỉ:

Số 5 đường số 1A, khu dân cư Melosa, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Thuộc bộ hồ sơ nhập khẩu:

Hóa đơn:	1120004824	Ngày:	15/11/2023
Vận đơn:	S00261941	Ngày:	15/11/2023
Tờ khai hải quan:	105901689240	Ngày:	22/11/2023
Số lượng:	680 thùng		

Được Trung tâm Giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert đánh giá chứng nhận phù hợp Quy chuẩn QCVN 09:2015/BCT và thông tư 33/2016/TT-BCT ban hành ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương



Phương thức chứng nhận: phương thức 7

(Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 (Sửa đổi: Thông tư 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017) của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chứng chỉ này có giá trị theo lô và chỉ có giá trị đối với lô hàng có thông tin hồ sơ nhập khẩu như trên. Vui lòng truy cập tại www.vietcert.org hoặc liên hệ email: info@vietcert.org (hotline: 0903.570.959/0905.527.089) để biết tình trạng hiệu lực của chứng thư này



Ngày cấp giấy: 07/12/2023



PHAN THANH TUÂN

**TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ
CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP
QUY VIETCERT**

Số: 62994/QĐ-VC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận hợp quy

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP QUY
VIETCERT**

- Căn cứ Luật khoa học công nghệ 2013;
- Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 29/6/2006;
- Căn cứ Giấy đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 07/2020 do Sở Khoa học và công nghệ TP Đà Nẵng cấp ngày 26/10/2020
- Căn cứ Quyết định 3210/QĐ-BCT ngày 09/12/2020 về việc chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp của Bộ Công Thương;
- Căn cứ QĐ.01 do Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert;
- Căn cứ báo cáo của đoàn đánh giá và kết quả thẩm tra hồ sơ chứng nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận hợp quy số 3836299430 cho lô hàng Khăn giấy và Giấy vệ sinh do CÔNG TY CỔ PHẦN IPP GROUP, địa chỉ số Số 5 đường số 1A, khu dân cư Melosa, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam nhập khẩu phù hợp QCVN 09:2015/BCT - thông tư 33/2016/TT-BCT

(Chi tiết sản phẩm xem danh mục đính kèm)

Thuộc bộ hồ sơ nhập khẩu:

Hóa đơn (số, ngày):	1120004824	Ngày:	15/11/2023
Vận đơn (số, ngày):	S00261941	Ngày:	15/11/2023
Tờ khai hải quan (số, ngày):	105901689240	Ngày:	22/11/2023
Số lượng	680 thùng		

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày 07/12/2023 và chỉ có giá trị cho lô hàng kể trên.

Điều 3. Khi thực hiện phân phối lô hàng trên ra thị trường, CÔNG TY CỔ PHẦN IPP GROUP phải thực hiện đúng các quy định quyền và trách nhiệm được quy định của Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy Vietcert tại QĐ.01, QĐ.10 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu VT, PKT.

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUẤN

**TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH VÀ
CHỨNG NHẬN HỢP CHUẨN HỢP
QUY VIETCERT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SẢN PHẨM GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP QCVN 09:2015/BCT - THÔNG
TƯ 33/2016/TT-BCT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62994/QĐ-VC ngày 07/12/2023 và giấy chứng nhận số 3836299430)

STT	Tên sản phẩm	Loại, nhóm sản phẩm	Đặc tính kỹ thuật	Dạng sản phẩm	Số lượng/ Khối lượng	Xuất xứ
1	Khăn giấy gói rút Tempo hương bạc hà. Mã HS: 48182000	Khăn giấy	Thùng 16 lốc, lốc 4 gói, gói 90 tờ, 4 lớp/tờ	Dạng gói	150 thùng	Trung Quốc
2	Khăn giấy bỏ túi Tempo Regular không mùi. Mã HS: 48182000	Khăn giấy	Thùng 30 lốc, lốc 10 gói, gói 8 tờ, 4 lớp/tờ	Dạng gói	120 thùng	Trung Quốc
3	Khăn giấy hộp Tempo hương gỗ táo. Mã HS: 48182000	Khăn giấy	Thùng 16 lốc, lốc 4 gói, gói 86 tờ, 3 lớp/tờ	Dạng hộp	135 thùng	Trung Quốc
4	Khăn giấy hộp Tempo không mùi. Mã HS: 48182000	Khăn giấy	Thùng 16 lốc, lốc 4 gói, gói 86 tờ, 3 lớp/tờ	Dạng hộp	175 thùng	Trung Quốc
5	Giấy vệ sinh Tempo không mùi. Mã HS: 48181000	Giấy vệ sinh	Thùng 6 lốc, 3 lớp/cuộn	Dạng cuộn	20 thùng	Trung Quốc
6	Khăn giấy bỏ túi Tempo Petit không mùi. Mã HS: 48182000	Khăn giấy	Thùng 20 lốc, lốc 18 gói, gói 7 tờ, 4 lớp/tờ	Dạng gói	60 thùng	Trung Quốc



7	Giấy vệ sinh Tempo hương gỗ táo. Mã HS: 48181000	Giấy vệ sinh	Thùng 6 lớp, 3 lớp/cuộn	Dạng cuộn	20 thùng	Trung Quốc
---	--	-----------------	----------------------------	-----------	----------	---------------

Ngày hiệu lực : 07/12/2023

GIÁM ĐỐC



PHAN THANH TUÂN





27 May, 2019

To whom it may concern

Regarding expire date and storage conditions for Vinda Products (brand Vinda / Tempo) range of tissue paper and tissue products (soft pack tissue, box facial tissue, handkerchief, kitchen towel, hand towel and toilet roll)

There are no specific legislative requirements when it comes to storage conditions for tissue paper and tissue products. These products in general do not have any specific shelf-life time when it comes to safety. The safety of the products is not jeopardized by long storage, as long as the storage condition is normal. Vinda recommendation is that our products shall be protected from extremes temperature, strong odour and excess moisture.

Tissue paper and tissue products of Vinda consist mainly material from virgin pulp. The physical properties of the products are very stable over time. No hazardous degradation substances will be formed.

For full function of tissue paper and tissue products produced by Vinda, the recommended expire date for these products is three (3) years from the production date.

CT category paper products produced by Vinda are marked with a production code on the packaging material / bag for traceability purposes. This code makes it possible for Vinda to find when the product is produced, at which production machine and in which factory and information / data about the specific production.


Liang Guo Feng
Quality Assurance Director
VINDA TRADING CO., LTD

VINDA TRADING CO., LTD
Address: No.65 Huicheng Donghou
Road, Xinhui District, Jiangmen,
Guangdong,
China
Tel: +86 750-6168333
Fax: +86 750-6120239

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) VINDA PAPER (CHINA) COMPANY LTD. SIBEI YANGSHA, XINJIANG VILLAGE, SANJIANG TOWN, XINHUI DISTRICT, JIANGMEN CITY, GUANGDONG, CHINA			Reference No. E236981670470532 (PAGE 1 OF 2) ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) IPP GROUP JOINT STOCK COMPANY 5 NO. 1A ROAD, MELOSA GARDEN, PHU HUU WARD, THU DUC CITY, HO CHI MINH CITY, VIET NAM			4. For Official Use Verification: origin. customs. gov. cn ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) ----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date NOV. 15, 2023 Vessel's name / Aircraft etc. SITC PYEONGTAEK / 2326S Port of Discharge HAIPHONG, VIET NAM FROM SHEKOU, CHINA TO HAIPHONG, VIET NAM BY SEA					
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
1	N/M	ONE HUNDRED AND FIFTY (150) CARTONS OF TEMPO SOFTPACK ICY MENTHOL (4X90S) X16 H. S. CODE: 4818.20	"CTH"	1710.00KGS G. W.	1120004824 NOV. 15, 2023
2		ONE HUNDRED AND TWENTY (120) CARTONS OF TEMPO REGULAR HANKY NEUTRAL (10X8S) X30 H. S. CODE: 4818.20	"CTH"	888.00KGS G. W.	
3		ONE HUNDRED AND THIRTY FIVE (135) CARTONS OF TEMPO BOX 3PLY APPLEWOOD (4X86S) X16 FATT2.0 H. S. CODE: 4818.20	"CTH"	1957.50KGS G. W.	
4		ONE HUNDRED AND SEVENTY FIVE (175) CARTONS OF TEMPO BOX 3PLY NEUTRAL (4X86S) X16 FATT2.0 H. S. CODE: 4818.20	"CTH"	2537.50KGS G. W.	
5		TWENTY (20) CARTONS OF TEMPO 3PLY NEUTRAL 6X10R TOILET ROLL H. S. CODE: 4818.10	"CTH"	172.00KGS G. W.	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in <u>CHINA</u> (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to <u>VIET NAM</u> (Importing Country) Jiangmen, China, NOV. 17, 2023 Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.  2368000061944 Jiangmen, China, NOV. 17, 2023 Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Issued Retroactively ☐ Movement Certificate ☐ Exhibition ☒ Third Party Invoicing					

2110292137

Original

1. Products consigned from (Exporter's business name, address, country) *****			Reference No. E236981670470532 (PAGE 2 OF 2)		
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) *****			ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in <u>THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA</u> (Country) See Overleaf Notes		
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date Vessel's name / Aircraft etc. ***** Port of Discharge			4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/s) ----- Signature of Authorised Signatory of the Importing Party		
5. Item Number	6. Marks and numbers on packages	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code)	8. Origin criteria (see Overleaf Notes)	9. Gross weight or net weight or other quantity, and value (FOB) only when RVC criterion is applied	10. Number, date of Invoices
6		SIXTY (60) CARTONS OF TEMPO HANKY PETIT NEUTRAL (18X7S) X20 H. S. CODE: 4818.20	"CTH"	468.00KGS G.W.	
7		TWENTY (20) CARTONS OF TEMPO 3PLY APPLEWOOD 6X10R TOILET ROLL H. S. CODE: 4818.10 *** ** THIRD-PARTY OPERATOR: VINDA MALAYSIA SDN BHD NO. 1 PERSIARAN BUKIT RAJA KAYANGAN / KU5 ZON PERINDUSTRIAN BANDAR BUKIT RAJA 41050 KLANG SELANGOR, MALAYSIA REMARKS: +TEL:603-5101 6618 FAX:603-5191 9933 LC NO.: TF2331301028/TEN DATED ISSUE : 231109	"CTH"	172.00KGS G.W.	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statement are correct; that all the products were produced in <u>CHINA</u> (Country) and that they comply with the origin requirements specified for these products in the Rules of Origin for the ACFTA for the products exported to <u>VIET NAM</u> (Importing Country) <u>Jiangmen, China, NOV. 17, 2023</u> Place and date, signature of authorised signatory			12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.   2368000061944 <u>Jiangmen, China, NOV. 17, 2023</u> Place and date, signature and stamp of certifying authority		
13. ☐ Issued Retroactively ☐ Movement Certificate ☐ Exhibition ☒ Third Party Invoicing					

2110292138

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0590168924

Số tờ khai	105901689240	Số tờ khai đầu tiên	
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai	CANGHPKVI	Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	4818
Ngày đăng ký	22/11/2023 16:51:28	Ngày thay đổi đăng ký	22/11/2023 19:29:59
Người nhập khẩu		Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
Mã	0311509329	Thời hạn tái nhập/ tái xuất	
Tên	CÔNG TY CỔ PHẦN IPP GROUP		

Mã bưu chính	
Địa chỉ	5 Đường số 1A, KDC Melosa, Phường Phú Hữu, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	028 3606 2797
Người ủy thác nhập khẩu	
Mã	
Tên	
Người xuất khẩu	
Mã	
Tên	VINDA MALAYSIA SDN BHD
Mã bưu chính	41050
Địa chỉ	NO. 1 PERSIARAN BUKIT RAJA KAYANGAN BUKIT RAJA, 41050 KLANG, SELANGOR
Mã nước	MY
	KU5, ZON PERINDUSTRIAN BANDAR MALAYSIA

Người ủy thác xuất khẩu	
Đại lý Hải quan	
Số vận đơn	
1 151123S00261941	
2	
3	
4	
5	
Số lượng	680 PK
Tổng trọng lượng hàng (Gross)	7.905 KGM
Số lượng container	1
Địa điểm lưu kho	03EES02
Địa điểm dỡ hàng	VNTCN
Địa điểm xếp hàng	CNSHK
Phương tiện vận chuyển	
Ngày hàng đến	9999
Ký hiệu và số hiệu	SITC PYEONGTAEK 2326S
	17/11/2023
Ngày được phép nhập kho đầu tiên	
Mã văn bản pháp quy khác	

Số hóa đơn	A - 1120004824
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử	
Ngày phát hành	15/11/2023
Phương thức thanh toán	LC
Tổng trị giá hóa đơn	A - FOB - USD -
Tổng trị giá tính thuế	
Tổng hệ số phân bổ trị giá	-
Mã kết quả kiểm tra nội dung	

Giấy phép nhập khẩu		
1 -	2 -	3 -
4 -	5 -	
Mã phân loại khai trị giá	6	
Khai trị giá tổng hợp	-	-
Các khoản điều chỉnh		
Phí vận chuyển	A - VND -	
Phí bảo hiểm	D - -	
Mã tên	Mã phân loại	Trị giá khoản điều chỉnh
1 -	-	-
2 -	-	-
3 -	-	-
4 -	-	-
5 -	-	-

Chi tiết khai trị giá			
15112023#&.			
Tên sắc thuế	Tổng tiền thuế	Số dòng tổng	
1 N Thuế NK	VND	7	Tổng tiền thuế phải nộp
2 V Thuế GTGT	VND	7	Số tiền bảo lãnh
3	VND		Tỷ giá tính thuế
4	VND		
5	VND		
6	VND		
Mã xác định thời hạn nộp thuế	D	Người nộp thuế	1
Mã lý do đề nghị BP		Phân loại nộp thuế	A
Tổng số trang của tờ khai	9	Tổng số dòng hàng của tờ khai	7

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai 105901689240 Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 4818
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CANGHPKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Ngày đăng ký 22/11/2023 16:51:28 Ngày thay đổi đăng ký 22/11/2023 19:29:59 Thời hạn tái nhập/ tái xuất
Số đính kèm khai báo điện tử 1 ETC - 722032451840 2 - 3 -
Phần ghi chú CO form E số E236981670470532 ngày 17/11/2023. PI:49920013905; PO: 38

Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp Số quản lý người sử dụng 00268
Phân loại chỉ thị của Hải quan A

	Ngày	Tên	Nội dung
1	22/11/2023	HỒ SƠ	ĐỀ NGHỊ DOANH NGHIỆP BỔ SUNG CHỨNG TỪ THEO QUY ĐỊNH
2	/ /		
3	/ /		
4	/ /		
5	/ /		
6	/ /		
7	/ /		
8	/ /		
9	/ /		
10	/ /		

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan CCT CC HQ CK cảng HP KV I
Ngày cấp phép 23/11/2023 15:12:09
Ngày hoàn thành kiểm tra 23/11/2023 10:19:08
Phân loại thẩm tra sau thông quan
Ngày phê duyệt BP / /
Ngày hoàn thành kiểm tra BP / /
Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu
Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành)	Địa điểm	Ngày đến	Ngày khởi hành
Thông tin trung chuyển	1	/ /	~ / /
	2	/ /	~ / /
	3	/ /	~ / /
Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế		/ /	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai	105901689240	Số tờ khai đầu tiên	/
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Mã phân loại kiểm tra	2	Mã loại hình	A11 2 [4]
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai		Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai	4818
Ngày đăng ký	22/11/2023 16:51:28	Mã bộ phận xử lý tờ khai	00
		Ngày thay đổi đăng ký	22/11/2023 19:29:59
		Thời hạn tái nhập/ tái xuất	

<01>

Mã số hàng hóa	48182000	Mã quản lý riêng		Mã phân loại tái xác nhận gi:	[]
Mô tả hàng hóa	Khăn giấy gói rút Tempo hương bạc hà 16x4x90's softpack thùng 16 lốc, lốc 4 gói, gói 90 tờ-TEMPO SOFTPACK ICY MENTHOL (4x90s)x16 softpack.nhãn hiệu Tempo, nsx Vinda Paper (China) Co.,LTD.Mới 100%				

Số của mục khai khoản điều chỉnh		Số lượng (1)	150	UNK
Trị giá hóa đơn		Số lượng (2)	1.485	KGM
Thuế nhập khẩu		Đơn giá hóa đơn	35,2 USD	UNK
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND	UNK
Thuế suất	C	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05	
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng				
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu				

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB205
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

105901689240

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Mã loại hình

A11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

4818

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

CANGHPKVI

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

22/11/2023 16:51:28

Ngày thay đổi đăng ký

22/11/2023 19:29:59

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<02>

Mã số hàng hóa

48182000

Mã quản lý riêng

Mã phân loại tái xác nhận gi:

[]

Mô tả hàng hóa

Khăn giấy bỏ túi Tempo Regular không mùi (10x8s)x30s thùng 30 lốc, lốc 10 gói, gói 8 tờ-TEMPO
REGULAR HANKY NEUTRAL (10x8s)x30.Hiệu Tempo, Nsx Vinda Paper (China) Co.,LTD.Mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh

Số lượng (1)

120

UNK

Trị giá hóa đơn

Số lượng (2)

792

KGM

Thuế nhập khẩu

Đơn giá hóa đơn

USD

UNK

Trị giá tính thuế(S)

VND

Trị giá tính thuế(M)

-

Số lượng tính thuế

Đơn giá tính thuế

- VND

UNK

Thuế suất

C

-

Mã áp dụng thuế tuyệt đối

Số tiền thuế

VND

Nước xuất xứ

CN - CHINA - B05

Số tiền miễn giảm

VND

Mã ngoài hạn ngạch

Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Danh mục miễn thuế nhập khẩu

-

Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT		Mã áp dụng thuế suất	VB205
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
2	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
3	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
4	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		
5	Tên			Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế		VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất			Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		VND		
	Số tiền miễn giảm		VND		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai105901689240Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra2Mã loại hìnhA11 2 [4]Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai4818

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khaiCANGHPKVIMã bộ phận xử lý tờ khai00

Ngày đăng ký22/11/2023 16:51:28Ngày thay đổi đăng ký22/11/2023 19:29:59Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<03>

Mã số hàng hóa48182000Mã quản lý riêngMã phân loại tái xác nhận gi: []

Mô tả hàng hóaKhăn giấy hộp Tempo hương Gỗ Táo (4x86s)x16 thùng 16 lốc, lốc 4 gói, gói 86 tờ-Tempo Box 3PLY Applewood (4x86s)x16 .Hiệu Tempo, Nsx Vinda Paper (China) Co., LTD. Mới

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	135	UNK
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	1.363,5	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	USD	UNK
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNK
Thuế suấtC	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	TênThuế GTGT	Mã áp dụng thuế suấtVB205	
	Trị giá tính thuế	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		
	Số tiền miễn giảm		
2	Tên	Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		
	Số tiền miễn giảm		
3	Tên	Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		
	Số tiền miễn giảm		
4	Tên	Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		
	Số tiền miễn giảm		
5	Tên	Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất	Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế		
	Số tiền miễn giảm		

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

105901689240

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Mã loại hình

A11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

4818

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

CANGHPKVI

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

22/11/2023 16:51:28

Ngày thay đổi đăng ký

22/11/2023 19:29:59

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<04>

Mã số hàng hóa

48182000

Mã quản lý riêng

Mã phân loại tái xác nhận gi

[]

Mô tả hàng hóa

Khăn giấy hộpTempo không mùi (4x86s)x16 thùng 16 lốc, lốc 4 gói, gói 86 tờ-Tempo Box 3PLY Neutral (4x86s)x16 .nhãn hiệu Tempo, nhà sản xuất Vinda Paper (China) Co.,LTD

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	175	UNK
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	1.767,5	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	USD	UNK
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNK
Thuế suất	C	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB205
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

105901689240

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Mã loại hình

A11 2 [4]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

4818

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

CANGHPKVI

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

22/11/2023 16:51:28

Ngày thay đổi đăng ký

22/11/2023 19:29:59

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<05>

Mã số hàng hóa

48181000

Mã quản lý riêng

Mã phân loại tái xác nhận gi

[]

Mô tả hàng hóa

Giấy vệ sinh Tempo không mùi - TEMPO 3PLY NEUTRAL 6x10R TOILET ROLL (10 cuộn/ lôc, 6 lôc/ thùng). Hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	20	UNK
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	156	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	USD	UNK
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNK
Thuế suất	A -	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B01
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác			
1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB205
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **105901689240** Số tờ khai đầu tiên /

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 4818

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CANGHPKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00

Ngày đăng ký 22/11/2023 16:51:28 Ngày thay đổi đăng ký 22/11/2023 19:29:59 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<06>

Mã số hàng hóa 48182000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi []

Mô tả hàng hóa Khăn giấy bỏ túi Tempo Petit không mùi - Tempo Hanky Petit Neutral, 20x18x7s (thùng 20 lốc, lốc 18 gói, gói 7 tờ). Nhãn hiệu Tempo. NSX: Vinda Paper (China) Co., Ltd. Mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	60	UNK
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	420	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	USD	UNK
Trị giá tính thuế(S)	Trị giá tính thuế(M)	-	
Số lượng tính thuế	Đơn giá tính thuế	- VND	UNK
Thuế suất C	Mã áp dụng thuế tuyệt đối		
Số tiền thuế	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B05	
Số tiền miễn giảm	Mã ngoài hạn ngạch		
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu			
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất VB205
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác
	Số tiền thuế	VND	
	Số tiền miễn giảm	VND	

Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai 105901689240 Số tờ khai đầu tiên /
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 2 [4] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 4818
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai CANGHPKVI Mã bộ phận xử lý tờ khai 00
Ngày đăng ký 22/11/2023 16:51:28 Ngày thay đổi đăng ký 22/11/2023 19:29:59 Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<07>

Mã số hàng hóa 48181000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi []
Mô tả hàng hóa Giấy vệ sinh Tempo hương gỗ táo - TEMPO 3PLY APPLEWOOD 6x10R TOILET ROLL, 10 cuộn/lốc, 6 lốc/thùng. Hàng mới 100%

Số của mục khai khoản điều chỉnh	Số lượng (1)	20	UNK
Trị giá hóa đơn	Số lượng (2)	156	KGM
Thuế nhập khẩu	Đơn giá hóa đơn	USD	UNK
Trị giá tính thuế(S)	VND	Trị giá tính thuế(M)	-
Số lượng tính thuế		Đơn giá tính thuế	- VND - UNK
Thuế suất A	-	Mã áp dụng thuế tuyệt đối	
Số tiền thuế	VND	Nước xuất xứ	CN - CHINA - B01
Số tiền miễn giảm	VND	Mã ngoài hạn ngạch	
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng			
Danh mục miễn thuế nhập khẩu	-		
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu			

Thuế và thu khác

1	Tên	Thuế GTGT	Mã áp dụng thuế suất	VB205
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
2	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
3	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
4	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		
5	Tên		Mã áp dụng thuế suất	
	Trị giá tính thuế	VND	Số lượng tính thuế	
	Thuế suất		Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác	
	Số tiền thuế	VND		
	Số tiền miễn giảm	VND		

